

TỪ BI VÀ TRÍ TUỆ

Giảng tại Trường Hạ Đại Tông Lâm - 1999

Lâu lắm chúng tôi không có cơ hội về giảng cũng như nhắc nhở sự tu hành cho toàn thể chư Tăng Ni ở khu Đại Tông Lâm. Hôm nay được Ban Tổ chức trường hạ Đại Tông Lâm mời về thăm và nói chuyện với tất cả Tăng Ni và Phật tử nơi đây, tôi liền hoan hỷ chấp nhận.

Đối với chúng tôi Đại Tông Lâm là nơi mà tôi cảm thấy mình có một trọng trách, hoặc nhiều hoặc ít cùng chung lo với quý thầy ở đây. Vì trước kia Hòa thượng Giám Đốc và Phó Giám Đốc ở Ấn Quang, khi thành lập được khu Đại Tông Lâm thì chúng tôi có mặt bên cạnh, vâng lời dạy của các Ngài phụ giúp phần nào đối với cơ sở này. Giờ đây hai Hòa thượng đã theo Phật, chúng tôi những người còn sót lại tự nhiên cảm thấy bốn phận phải làm sao duy trì gìn giữ ngôi Đại Tông Lâm này đúng như sở nguyện của hai Hòa thượng.

Tất cả những vị ở Đại Tông Lâm, hoặc là trường Trung cấp, hoặc là trường Cao cấp, hoặc các Thiền viện do chúng tôi thành lập trong khu vực này đều là Tăng Ni chung của Đại Tông Lâm, mà cũng là của Phật giáo Việt Nam, chúng ta không thể tách riêng biệt được. Vì vậy khi cần, chúng tôi sẵn sàng đến để nhắc nhở Tăng Ni, Phật tử hiểu biết tu hành cho đúng với chánh pháp.

Mùa an cư này chư Tăng chư Ni về đây an cư là cơ hội tốt để Đại Tông Lâm càng ngày càng phồn thịnh hơn, sự tu hành càng tinh tiến hơn, đó là điều hết sức quý báu. Vì vậy tôi nghĩ không thể nào chỉ nói suông, tán thán một cách tổng quát như vậy mà cần phải đi sâu vào vấn đề đạo lý, để cho Tăng Ni và tất cả quý vị nghe hiểu có kinh nghiệm thêm trên đường tu hành. Đó mới là điều quý giá. Vấn đề tôi nói hôm nay là hai vấn đề tối hệ trọng của những người tu Phật, đó là trí tuệ và từ bi.

Như chúng ta đã biết đạo Phật là đạo giác ngộ. Đức Phật ngồi thiền định dưới cội Bồ-đề mà được giác ngộ. Ngài đi giáo hóa khắp nơi để truyền đạo giác ngộ này. Nhưng sao chúng ta không gọi là đạo giác ngộ mà gọi là đạo Phật. Phật nguyên tiếng Phạn là Buddha, Bud là giác, dha là người. Người giác ngộ đi truyền bá đạo giác ngộ. Nhưng nếu giải nghĩa chữ Phật là giác ngộ thì sợ người ta hiểu lầm. Bởi có những người làm ăn bất chính không lương thiện, khi có ai nhắc nhở dạy bảo, họ bỏ điều bất chính trở thành người lương thiện thì người ta sẽ nói anh ấy đã giác ngộ rồi. Giác ngộ đó chỉ có nghĩa là bỏ cái xấu, cái dở để trở thành người tốt thôi. Nếu hiểu đạo Phật theo nghĩa giác ngộ như vậy thì đánh giá quá thấp đạo Phật, làm mất giá trị

siêu thoát của đạo Phật. Bởi vậy trong nhà Phật để nguyên từ Phật.

Nói Phật chắc quý vị sẽ có nghi. Tại sao bây giờ chúng ta nói đức Phật mà hồi xưa ông bà tổ tiên chúng ta lại nói là Bụt. Như vậy nói Bụt đúng hay nói Phật đúng ? Từ Bụt cho chúng ta thấy đạo Phật được trực tiếp truyền vào Việt Nam từ những vị sư Ấn Độ. Ngày xưa ở miền Bắc vùng Luy Lâu rất phồn thịnh, các sư người Ấn theo tàu buôn đến đó truyền bá. Các ngài trực tiếp dạy người dân biết đạo Phật, và đức Phật được gọi là Bụt. Bụt nguyên là Bud, đọc trại đi một tí thành Bụt. Đọc Bụt nghe gần hơn, còn đọc Phật nghe xa quá. Vậy đạo Phật có mặt trên đất nước Việt Nam gốc từ người Ấn truyền sang, chứ không phải từ Trung Hoa truyền sang buổi đầu.

Tại sao bây giờ chúng ta đọc là Phật ? Ở Trung Hoa từ đời Tống đến đời Minh có in những tạng kinh dịch từ chữ Phạn, chữ Pali ra chữ Hán rồi tặng cho Việt Nam. Đời Trần được tặng một tạng kinh và sau này chúng ta cũng có thỉnh thêm những tạng kinh từ Trung Hoa. Chữ Buddha người Trung Hoa dịch gồm một bên chữ nhân đứng, một bên chữ phát. Như vậy Phật là phát sinh từ chữ Hán mà ta đọc theo âm Việt Nam là Phật hay Phật đà.

Nói đến đạo Phật là nói đến sự giác ngộ viên mãn tuyệt cùng, chứ không phải sự giác ngộ thông thường của thế gian, vì e người ta hiểu lầm nên để nguyên âm là Phật, chứ không nói là giác ngộ. Giờ đây chúng ta học Phật phải dùng những từ gần thời hiện tại như giác ngộ, trí tuệ để dễ thâm nhập hơn.

Vì vậy chúng ta phải hiểu tường tận gốc của đạo Phật là giác ngộ viên mãn. Nên người tu Phật lúc nào cũng phải thuộc lòng Phật là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Nói đến Phật là nói đến sự giác ngộ viên mãn, tức giác ngộ tròn đầy không thiếu khuyết một góc cạnh nào.

Chúng ta học Phật, tu Phật là tu theo đạo giác ngộ. Mà đạo giác ngộ dĩ nhiên trí tuệ là căn bản không thể nào thiếu được. Người tu theo Phật dù xuất gia hay tại gia cũng phải mở sáng con mắt trí tuệ. Chúng ta hãy xét lại xem từ ngày phát tâm tu theo Phật đến giờ đã mở sáng trí tuệ được nhiều hay ít ? Có người khi nghe đến trí tuệ dường như sợ nên thường xưng ngu tăng hay phàm tăng như để nói lên sự khiêm nhường, họ ít nói đến sự giác ngộ. Mà chưa giác ngộ thì chưa phải tu theo đạo Phật. Ở đây, tôi không nói đến giác ngộ mà chỉ nói trí tuệ. Bởi vì trí tuệ mờ mẫn cho giác ngộ cứu kính.

Chúng ta nhớ lời Phật dạy, người tu phải tự giác và giác tha. Tự giác là mở sáng trí tuệ của mình. Giác tha là đem trí tuệ đó đánh thức, cảnh tỉnh mọi người cùng giác ngộ. Tự giác là việc của mình.

Giác tha là giúp cho người. Giúp cho người là lòng từ bi. Cho nên có giác ngộ rồi mới có từ bi. Chưa giác ngộ mà nói đến từ bi, chỉ là từ bi gương thoi.

Nếu một vị tăng đã thấy bốn phận mình phải truyền bá chánh pháp, phải thực hành hạnh từ bi mà không chịu tu, không thức tỉnh, không chịu giác ngộ thì chẳng biết vị ấy sẽ thực hành hạnh từ bi bằng cách nào ? Chẳng lẽ chúng ta đi đắp đất, cuốc đường hay hốt rác cho thiên hạ. Từ bi như vậy người phàm tục cũng làm được mà. Vậy từ bi trong Đạo Phật là thế nào ? Tôi sẽ nói rõ hơn vấn đề này ở phần sau.

Bây giờ trở lại phần trí tuệ. Trí tuệ mà Phật dạy cho Tăng Ni là ba môn tuệ học: Văn tuệ, Tư tuệ và Tu tuệ.

Văn tuệ là như thế nào ? Chúng ta đến với đạo, tự mình làm sao giác được. Nên phải nhờ những người đi trước như bậc thầy, các hàng tôn túc đã tu, đã học, đã mở được đôi phần trí tuệ hướng dẫn, chỉ dạy cho chúng ta từ từ mở con mắt trí tuệ. Nhờ lắng nghe những lời chỉ dẫn, giảng dạy ấy mà chúng ta mở được con mắt trí tuệ của mình là Văn tuệ. Người tu cất thắt ở riêng, không học hành gì hết chắc chắn sẽ không có Văn tuệ. Không có Văn tuệ mà tu thì chỉ là tu mù. Những người tu này khi chỉ dạy cho kẻ khác thì cũng chỉ dạy một cách mù quáng mà thôi. Trong kinh Phật nói: “Một người mù dẫn một đám mù, người mù đi trước sụp hầm, những kẻ mù theo sau cũng té xuống hầm luôn”. Người học Phật mà thiếu Văn tuệ không thể được.

Trong kinh A Hàm Phật dạy: Người cư sĩ đến chùa đầu tiên phải gặp Tăng Ni. Gặp Tăng Ni để thưa hỏi Phật pháp chớ không phải để cúng cầu an cầu siêu, như vậy là Văn tuệ. Sau khi nghe chư Tăng Ni dạy Phật pháp rồi phải suy gẫm lời thầy dạy có đúng với kinh Phật không, có đúng với lẽ thật chân lý không ? Nếu đúng mới tin, còn dạy sai dạy lầm thì không tin. Cho nên Tư tuệ hết sức thiết yếu. Sau khi suy tư nghiệm thấy đúng kinh Phật, đúng chân lý rồi mới tu. Phật dạy cư sĩ còn như vậy huống là tu sĩ xuất gia mà lại thiếu Văn, Tư, Tu. Thế mà có nhiều tu sĩ cứ tự tu không cần học với ai cả thì thật sự hết sức sai lầm.

Tư tuệ là như thế nào ? Phật dạy chúng ta nghe rồi phải suy gẫm, suy gẫm đó chính là tư duy, phải là chánh tư duy. Nếu nghe dạy chúng ta tin mà không hiểu, thì tin đó chưa phải là chánh. Cần phải suy gẫm cho đúng, hiểu cho đúng mới gọi là chánh.

Hồi xưa lúc còn làm Tăng sinh, tôi cũng học như quý vị. Những gì tôi không hiểu thì tôi hay nghi, nghi thì phải tra tìm. Những năm Sơ đẳng, tôi học lý nhân quả luân hồi kỹ lắm, nhưng khi học cổ sử Ấn Độ tôi thấy lý nghiệp báo luân hồi không phải mới

có từ thời đức Phật, mà đã có từ thời Áo nghĩa thư của Ấn Độ, tức trước Phật cả mấy trăm năm. Biết được vậy tôi rất buồn, tôi nghĩ Phật đã giác ngộ rồi sao không lựa điều gì mới, mà lại lấy cái cũ của người ta đem ra dạy mình.

Có lần tôi đọc cuốn sách của một số học giả phê bình rằng: “Đạo Phật ăn cắp lý nghiệp báo của Áo nghĩa thư làm của mình”. Đọc đến đó tôi thấy xót quá, khó chịu quá. Đức Phật của mình sao lỗi thời vậy, của người ăn cắp đem làm của mình thì thật là buồn. Lâu nay chúng ta tin rằng đức Phật giác ngộ viên mãn thì những gì Phật dạy đều từ trí tuệ giác ngộ của Ngài lưu xuất. Thế sao lại ăn cắp của người ta đem làm của mình, tôi không bằng lòng như vậy.

Khi lên Trung đẳng, rồi Cao đẳng tôi đã tra hết các bộ kinh A Hàm trong Hán tạng. Đọc một lần chưa thấm, đọc hai lần rồi ba lần, tôi có nguồn an ủi. Trong một bài kinh đức Phật dạy: “Khi Ngài chứng được Thiên nhãn minh rồi, nhìn lại thấy chúng sanh bị nghiệp dẫn luân hồi sanh tử giống như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường, thấy kẻ đi đường này, người đi đường kia một cách rõ ràng không nghi”. Như vậy sở dĩ Phật nói luân hồi nhân quả hay nghiệp dẫn luân hồi là Ngài thấy rõ ràng, chớ không phải ăn cắp như người ta nói xấu.

Rồi lần lần tôi lại thấy ra, trong Áo nghĩa thư có nói về nghiệp báo luân hồi nhưng chưa phân tích rõ ràng. Nên khi đạo Bà-la-môn kế thừa tinh thần của Áo nghĩa thư, mới đặt ra bốn giai cấp. Trong đó Bà-la-môn được sanh ra từ đầu của Phạm thiên nên được kính trọng nhất, còn các giai cấp khác được sinh từ ngực, từ bụng, từ bàn chân nên không được kính trọng bằng. Sự phân chia giai cấp này khiến người dân càng khổ, đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai, dù họ nói nghiệp báo luân hồi nhưng phải nhờ các vị Bà-la-môn cầu cúng thì mới hết nghiệp hết tội. Hoặc phải mở những hội tế đàn nào là trâu, dê cúng cho nhiều thì mới hết tội. Cả hai điều này đều bị Phật bác hết. Về mặt giai cấp, Phật bảo không có giai cấp khi mọi người máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn như nhau, nên mọi người đều bình đẳng.

Kinh kể hôm nọ Phật ở trong rừng với đệ tử, một số thầy Bà-la-môn đến hỏi Phật:

- Thưa ngài Cù-đàm, đệ tử Ngài chết Ngài cầu cho họ sanh về cõi lành được không ?

Phật không trả lời mà chỉ hỏi lại:

- Đệ tử các ông chết các ông cầu cho họ sanh về cõi lành được không ?

Các vị Bà-la-môn đáp:

- Được.

Lúc đó Phật nói thí dụ:

- Như nơi một giếng sâu, có người ôm cục đá bỏ xuống giếng rồi nhờ các Ngài cầu cho nó nổi, đừng chìm được không ?

Các vị Bà-la-môn đều lắc đầu, Phật hỏi tiếp:

- Có người cầm chai dầu đổ xuống giếng, rồi nhờ các Ngài cầu cho dầu chìm xuống đáy giếng được không ?

Các vị Bà-la-môn cũng lắc đầu, Phật nói:

- Cũng vậy, người làm nghiệp lành sẽ sanh cõi lành giống như dầu nhẹ nổi lên, dầu các vị có ác ý cầu cho xuống địa ngục họ cũng không xuống. Ngược lại người làm dữ phải đi xuống giống như đá, dầu các vị có thiện cảm chấp tay cầu nguyện cũng không nổi lên được.

Vậy đức Phật chấp nhận cầu nguyện hay chấp nhận nghiệp ? Nghiệp lành, nghiệp dữ đưa mình lên hoặc lôi mình xuống, chứ không phải cầu nguyện mà được lên hoặc xuống. Đức Phật thấy rõ về nghiệp, cho nên Ngài biết manh mối nào đưa chúng sanh tới cõi lành, manh mối nào đưa chúng sanh tới cõi dữ.

Trong nhà Phật dạy chúng ta có ngũ thừa là: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ-tát thừa. Nhân thừa là sanh trở lại làm người, Phật dạy tu giữ năm giới. Năm giới nếu giữ toàn vẹn bảo đảm người đó đời này làm người, đời sau chết trở lại làm người. Tu thập thiện, sau khi mạng chung sẽ sanh lên cõi trời. Mỗi một nhân đưa tới một quả, Phật thấy tường tận rõ ràng như thế. Còn Áo nghĩa thư của Bà-la-môn giáo nói nghiệp báo không phân biệt rành rõ, chưa biết cái gì nhân cái gì quả nên chưa thấu đáo. Do đó nên biết Phật nói nghiệp, nói luân hồi là vì Ngài thấy tường tận, chứ không phải ăn cắp của người làm của mình. Khi thấy rõ như vậy, tôi không còn nghi, không còn mặc cảm nữa.

Ông Galilée vào thế kỷ thứ 18 phát minh ra trái đất quay xung quanh mặt trời. Ai nói sao ông vẫn nhất định là trái đất quay xung quanh mặt trời, chứ không phải mặt trời quay xung quanh trái đất. Từ thế kỷ 18 tới bây giờ, có nhiều nhà khoa học nổi danh nhưng không ai bác bỏ thuyết của ông cả. Bởi vì người trước phát minh đúng thì người sau cũng lấy cái đó làm chuẩn, rồi tùy phát minh thêm điểm nào hay thì càng tốt hơn. Như ngày nay các nhà thiên văn suy ngẫm trái đất quay như vậy, khi nó bị

khuất thì có nhật thực, nguyệt thực nên họ ghi ra. Đó là bổ túc thêm cho đầy đủ, chứ không phải cái trước đúng mà người sau dám sửa. Cái gì là chân lý rồi, người sau cũng phải thừa nhận.

Đức Phật rất khoa học, từ thời Áo nghĩa thư đã có thuyết nghiệp, luân hồi. Sau Ngài tu thấy điều đó đúng nên cũng thừa nhận. Nhưng khác hơn là Ngài vạch rõ từng phần chi tiết, thế nào là nhân, thế nào là quả, Ngài phân tích rành cho chúng ta. Đó là tinh thần khoa học chứ không phải học lóm. Từ đó về sau tôi mới hài lòng, đức Phật không phải dở như người ta nói.

Nói về lý nghiệp báo luân hồi, sau khi suy tư kỹ càng, tôi thấy đó là một chân lý không chối cãi được. Ai có nói gì cũng không lay chuyển được tôi, vì đó là một sự thật. Tại sao tôi tin như vậy ? Bởi kinh nghiệm từ những việc bên ngoài, cho tới bản thân mình tôi thấy rõ như vậy.

Luân hồi là gì ? Luân là bánh xe, hồi là xoay tròn. Bánh xe xoay tròn lên xuống, lên xuống cứ đảo đi lộn lại hoài. Đối với ngoại vật, chúng ta đặt câu hỏi trái đất có xoay tròn không ? Trái đất cứ xoay tròn, xoay tròn, vậy nên trái đất luân hồi. Đến con người, chúng ta thấy máu từ tim chạy ra các mạch, rồi từ các mạch trở về tim, cứ như vậy đảo đi lộn lại hoài, đó là luân hồi. Rõ ràng con người đang luân hồi, quả đất đang luân hồi, vậy chết có luân hồi không ? Tôi nói hai phần:

1-Vật chất: Thân chúng ta gồm tứ đại tức bốn chất đất, nước, gió, lửa hợp thành. Những gì là đất ? Tóc, lông, gân, móng, da, thịt, răng, xương... những thứ cứng là đất. Những gì là nước ? Mồ hôi, máu mủ tức chất ướt là nước. Những gì là gió ? Hơi thở vào ra, vào ra là gió. Những gì là lửa ? Hơi ấm trong người là lửa, cầm hai tay chà một hồi ấm lên, đó là phát ra lửa.

Đất nước gió lửa sẵn trong con người chúng ta, khi chết bốn thứ đó đi đâu ? Nhẹ nhất là hơi thở, lúc sống hít vô trả ra, khi trả ra mà không hít lại là chết. Vậy chúng ta trả ra chứ không phải hết, không phải mất. Thứ hai là hơi ấm trong người, chúng ta chết rồi nó cũng tan vào hư không, theo luồng hơi ấm trong nắng trong lửa, trở về với lửa. Đến đất, nước khi chết thân này nứt nẻ nước tuôn ra, rồi tới đất rã. Nước theo mạch chảy đi khắp nơi cũng không mất, đất cũng trả về đất không mất. Như vậy tứ đại mất đi chỉ mất cái giả tướng duyên hợp, chứ bản chất nó đâu có mất.

2-Tinh thần: Tứ đại không mất thì tinh thần có mất được không ? Tinh thần đi theo nghiệp duyên của nó. Ví dụ nước từ thể lỏng đổ vào trong nồi nấu, nước sôi bốc hơi rồi cạn. Nước cạn người ta nói hết nước, nhưng thật ra nước bốc thành hơi bay

lên, gặp lạnh đọng lại thành nước rơi trở xuống. Hoặc lấy một ly nước để trong tủ lạnh thì nó sẽ đặc thành thể cứng. Như vậy nước không mất mà có thể chuyển biến từ thể lỏng thành hơi hoặc thể rắn. Nước để ở nhiệt độ vừa chừng, không nóng quá, không lạnh quá thì nước còn hoài.

Cũng vậy người tu có duyên lành nhiều, nghiệp lành nhiều khi nhắm mắt sẽ đưa tới cõi lành, tức lên. Ngược lại nghiệp dữ nhiều sẽ đưa tới chỗ dữ, tức xuống. Nếu tư cách con người tốt, vị lai trở lại làm người, như nước giữ quân bình không lạnh nóng thì ở thể lỏng hoài. Phật dạy nhân thừa là do giữ đúng năm giới nên đời này làm người đời sau cũng được làm người. Như nước y nguyên nhiệt độ đừng cao đừng thấp thì bao nhiêu nước còn nguyên bấy nhiêu. Đó là một lẽ thực không nghi ngờ gì.

Chúng ta khi ra đời còn trẻ, đáng lẽ ham danh lợi tài sắc ở thế gian, nhưng tại sao lại ham tu ? Như vậy do trong nghiệp từ quá khứ của chúng ta còn lưu lại. Như tôi khi chưa đi tu, mỗi lần qua chùa nghe tiếng chuông, thấy xông xáo trong lòng quá. Cái gì làm cho mình bất an, nếu không phải là chủng tử trước kia ?

Mỗi khi chúng ta ra đời, nghiệp từ quá khứ còn lưu lại trong con người hiện tại chớ không phải mất. Nếu chúng ta nhìn vào một lớp học thì biết rõ sự sai biệt, người giỏi về văn, người giỏi về toán v.v... Thầy cô dạy như nhau nhưng điểm riêng biệt của mỗi học trò lại khác. Điểm đó ở đâu ra ? Chẳng qua chủng tử từ quá khứ còn lưu lại nơi mỗi người, nên không ai giống ai. Nếu nói do thầy cô dạy mới biết, thì tại sao không biết như nhau mà lại có sự sai lệch. Rõ ràng do chủng tử từ quá khứ chớ không phải ngẫu nhiên. Như những vị thần đồng chưa học mà đã biết, đâu do ai dạy. Đó là chủng tử quá khứ còn nguyên vẹn chưa mất nên ra đời nhớ lại liền. Vậy luân hồi là một lẽ thật, không phải là một nghi vấn nữa.

Khi học Phật, chúng ta cần phải suy tư, chớ không chỉ nghe bao nhiêu biết bao nhiêu thôi. Phải tìm, phải gẫm cho tới nơi tới chốn, như vậy chúng ta mới đủ lòng tin Phật. Do đó Tư tuệ là một điều hết sức thiết yếu.

Tu tuệ là như thế nào ? Tư chí lý rồi đến tu rất dễ, không còn nghi ngờ gì nữa. Nhờ nghe hiểu, suy gẫm và biết cách ứng dụng những pháp mình đã học được vào đời sống tu hành, thấy có lợi ích. Đây chính là Tư tuệ. Ba vấn đề Văn, Tư, Tu đều là trí tuệ. Trí tuệ từ thầy ban cho, trí tuệ do mình suy gẫm, trí tuệ do mình cố gắng thực hành, cho nên ba Tuệ học ấy không thể thiếu được.

Nhà Phật nói trí tuệ có hai phần: Một là Hữu sư trí, tức trí học nơi thầy như Văn Tư Tu. Hai là Vô sư trí, tức trí sẵn có của mình, không do học. Đó là tam Vô lậu học, tức ba môn học giải thoát Giới, Định, Tuệ. Giới là đức hạnh, Định là thiền định, Tuệ là trí tuệ. Nhờ giữ được giới nên thiền định không bị xao xuyên. Vì vậy giới trước rồi định sau. Nhờ thiền định nên trí vô sư phát sinh là tuệ.

Tại sao thiền định được trí vô sư ? Khi thiền không nghĩ gì cả nên được định, được định nên trí sáng giác ngộ, đó là trí không thầy. Trong kinh có kể lại: Đức Phật sau khi thành Phật rồi, Ngài tuyên bố ta học đạo không thầy. Bởi vì bốn mươi chín ngày đêm ngồi dưới cội Bồ-đề Ngài không học với ai cả, mà nhờ định nên được giác ngộ. Vì vậy nói Ngài học đạo không có thầy.

Phật giác ngộ viên mãn Trí vô sư, ngày nay chúng ta tu muốn giải thoát sanh tử cũng phải đi tới Trí vô sư đó, nên nói Giới, Định, Tuệ là ba pháp môn tu được giải thoát. Chữ vô lậu là không còn rơi, không còn rớt lại Tam giới nên gọi là giải thoát sanh tử. Như vậy người học Phật phải đủ trí tuệ, từ Hữu sư trí rồi tiến tới Vô sư trí. Hữu sư trí là nhờ học, vô sư trí là nhờ tu. Đó là hai phần hết sức rõ ràng.

Điều hệ trọng thứ hai là từ bi. Bởi vì chúng ta không có quyền nghĩ mình tu để hưởng an lạc một mình. Tại sao ? Đức Phật ngày xưa chủ trương đi khát thực là vì sao ? Khất thực tức là gieo duyên với chúng sanh. Tôi nói là lãnh nợ của chúng sanh. Nếu chúng ta tu mà đối với mọi người không có liên hệ, không trao qua đổi lại thì không có gì dính dáng. Mà không có dính dáng thì giáo hóa họ không được, nên Phật dạy tu sĩ phải nhận của đàn na thí chủ cúng dường. Có những thí chủ rất nghèo cúng dường nhưng chúng ta cũng phải nhận. Nhận để chi ? Để người đó gởi mình, mình nhận nợ. Nên từ gieo duyên là nói cho đẹp, thật ra chúng ta nhận nợ. Có nợ thì mới gặp lại để đền trả.

Trả nợ có hai cách: Nếu chúng ta không tu không đủ phước đức thì phải mang lông đội sừng để trả nợ. Nếu chúng ta tu hành có đủ phước đức thì trả bằng cách làm thầy. Bây giờ tôi cũng đang trả nợ đó. Bởi vì chúng ta đều có duyên có nợ với nhau nên mới gặp nhau, còn không duyên không nợ thì không gặp. Gặp để chúng ta giáo hóa, chúng ta chỉ dạy người có duyên với mình. Vì vậy người tu đều phải phát tâm từ bi nhận tất cả những gì của Phật tử gởi gắm. Không phải nhận vì ích kỷ, mà nhận để có duyên hay có chút nợ nần với nhau, hầu giáo hoá giúp đỡ trên đường đạo.

Người xuất gia do Phật tử ủng hộ, nếu hiểu đạo rồi lo tu cho giải thoát, về Cực Lạc, bỏ mọi người ở lại ra sao thì ra, như vậy có hơi nhẫn tâm không ? Mình tu giải thoát nhập Niết-bàn không bao giờ trở

lại nữa, những người cúng cho mình thấy chúng ta nhập Niết-bàn, bỏ họ bơ vơ buồn khổ, thật tội nghiệp cho họ. Vì vậy với tinh thần Phật giáo Đại thừa, người tu không nở nhập Niết- bàn liền, mà phải đi đi lại lại trong cõi thế gian này để giáo hoá, để trả nợ. Đến chừng nào thí chủ của chúng ta hiểu được tu tập được, mình mới yên.

Thí dụ như trong Tứ quả Thanh văn, chúng ta được quả thứ ba là A Na Hàm, thì ít ra đệ tử của mình cũng được quả thứ nhất là Tu Đà Hoàn. Nếu mình tới Bồ tát Thập trụ, thì đệ tử cũng tới Thập tín mới được. Khi tu thiên hạ nuôi, đến thành tựu chúng ta lại hưởng một mình, như vậy có buồn không ? Giả sử tôi là quý Phật tử, tôi cũng không chấp nhận điều đó nữa. Quý thầy ăn gian quá đâu được. Vậy mà có người tha thiết tu một đời này để về Cực Lạc cho rồi, ở đây khổ quá. Về bên đó vui có một mình, bỏ người ta ở đây khổ, ai mà đành lòng. Thôi thì cùng ở với nhau nhưng ở trong sự tỉnh giác chớ không phải trong cái mê mờ, nhớ như vậy.

Tinh thần từ bi của Đạo Phật dạy chúng ta phải làm sao đem lại cho mọi người ánh sáng đạo lý, để cho họ biết được lẽ chân thật, không tạo những điều đau khổ, luôn luôn tiến tới chỗ an vui. Lòng từ bi chúng ta không thể nói suông mà phải được thể hiện cụ thể. Muốn thể hiện lòng từ bi chúng ta phải thực hành hạnh bố thí: bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy. Phải đem của cải, hoặc đem chánh pháp mình hiểu hoặc đem sự tốt lành cao quý an ủi người đau khổ. Đó mới thể hiện lòng từ bi.

Bố thí tài phần lớn dành cho cư sĩ Phật tử vì họ làm ra tiền. Họ mới có điều kiện giúp đỡ người nghèo khổ. Còn các sư có làm ra xu con nào đâu ? Nếu có chăng cũng ăn mày của đàn na thí chủ chớ đâu phải tự mình có tiền lương mỗi tháng. Hàng Phật tử cũng có người làm ra tiền của, có người nghèo chấy da, vậy làm sao bố thí ? Nên Phật dạy tài thí có hai phần ngoại tài và nội tài.

Người Phật tử muốn thể hiện lòng từ bi mà không có tiền bạc giúp cho người nghèo đói thì đem công sức của mình ra giúp. Người có tiền tới chùa cúng, người không tiền vào chùa làm công quả. Người có tiền cho tiền, người không tiền ra công đi ủy lạo, khuân vác cũng là bố thí. Nên hiểu có tiền mới bố thí được là lắm. Đem của bố thí là ngoại tài, đem công bố thí là nội tài, như vậy có ai không làm được hạnh bố thí đâu.

Bố thí pháp là phần của Tăng Ni. Tăng Ni tu thấy được cái hay, cái cao quý của Phật pháp, đem sự hiểu biết đó ban rải cho Phật tử cùng biết cùng hiểu như mình. Đem pháp mình đã tu học được, chỉ dạy cho người khác gọi là bố thí pháp.

Bố thí tài, bố thí pháp cái nào tốt hơn ? Bố thí tài chỉ giúp người bớt khổ trong giai đoạn hiện tại. Còn bố thí pháp chẳng những giúp người hết khổ trong hiện tại mà mãi về sau cũng không còn khổ nữa, đó là điểm sâu xa.

Ví dụ chú đạp xích lô có một vợ hai con, mỗi ngày chạy xe kiếm được hai ba chục ngàn nuôi vợ nuôi con đói khổ. Người hàng xóm thấy thương, đem ít lít gạo lại cho, đó là bố thí tài. Rồi mai chú đạp xe có tiền cũng nhậu hết như vậy thì sao, cho đến chừng nào mới đủ, chừng nào gia đình mới ấm no. Bây giờ có một thầy, một cô nào đó sáng suốt tới khuyên chú, nói với chú uống rượu có hại gì, bệnh hoạn ra sao, rồi vì uống rượu mà không đủ tiền nuôi vợ con, làm vợ con đói khổ. Chú nghe hiểu, thức tỉnh bỏ rượu. Như vậy chúng ta chỉ nói chuyện một giờ, nửa giờ mà chú thức tỉnh bỏ rượu. Từ đó làm được bao nhiêu tiền chú đem về nuôi vợ con. Như vậy bố thí pháp không có cạn hết. Chỉ dùng lời nói, lý lẽ chân thật khuyên chỉ người, khi người tỉnh ngộ rồi gia đình hết khổ. Còn nếu cho tiền cho cơm hằng ngày, thì họ chỉ hết khổ tạm rồi mai mốt sẽ khổ nữa. Như vậy cái nào hơn ?

Có kẻ cho rằng người tu Phật tiêu cực quá, nhất là Tăng Ni không chịu làm phước, làm việc xã hội, cứ đi nói pháp hoài. Những người tích cực làm việc này, việc kia giúp cho đồng bào rất dễ thấy, còn người nói pháp xem như không có lợi ích gì. Nhưng thật tình việc này lợi rất lớn. Nên trong hai thứ bố thí: bố thí tài và bố thí pháp thì bố thí pháp là hơn.

Bố thí pháp là đem lòng từ bi của mình chỉ dạy nhắc nhở mọi người biết tu, chỉ dạy nhiều chừng nào tốt chừng ấy. Giả sử tôi có mười ngàn đồng muốn đem bố thí, nếu tôi cho mỗi người một ngàn đồng, thì cho mười người là hết. Còn tôi bố thí pháp thì có một trăm người, tôi cũng bố thí trọn đủ hết. Vậy bố thí pháp là bất tận. Chúng ta học đạo phải học cái bất tận, còn những việc có chừng mực, có giới hạn chúng ta làm một phần nhỏ thôi, gốc là phải bố thí pháp. Muốn bố thí pháp, chúng ta phải có học có tu và có lòng từ bi. Vì vậy từ bi sau trí tuệ. Hai việc đó không tách rời nhau.

Bố thí vô úy là sao ? Vô úy là không sợ. Chúng ta mang tới cho người niềm an ổn không sợ hãi. Không sợ này có nhiều thứ: Sợ ma, sợ rắn, sợ cạp... đủ thứ sợ.

Thí dụ đối với người sợ ma, chúng ta muốn cho họ khỏi sợ, phải giải thích cho họ hiểu ma không đáng sợ. Phật dạy trong lục đạo luân hồi: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, A-tu-la, trời, thì ngạ quỷ là loại quỷ đói đứng thứ hai, người cao hơn ngạ quỷ hai cấp. Minh cao hơn nó mà lại sợ nó thì vô lý quá.

Chẳng lẽ ông Tịch trưởng lại sợ người dân, người lại sợ ma thì thật ngu khờ. Giải thích cho người biết và hết sợ đó là bổ thí vô úy.

Như có người sợ chết, chúng ta phải giảng giải cho họ hiểu chết là một lẽ đương nhiên thôi, ai rồi cũng phải chết. Phật chết, Bồ-tát chết, chư Thánh tăng chết, phạm tăng phạm ni chết, cư sĩ chết. Đó là chuyện thường, phải chỉ có người không chết thì mình sợ, ai cũng chết hết thì có chi mà sợ. Giải thích có căn bản cho người ta hiểu, hiểu rồi thì không sợ. Đó là bổ thí vô úy. Như vậy, bổ thí pháp trùm cả bổ thí chánh pháp và bổ thí vô úy luôn.

Người tu nếu thiếu hai phần trí tuệ và từ bi thì không xứng đáng là người tu. Vậy mà có nhiều người tha thiết vào thất tu suốt đời, tu tới chết. Nghĩ thế là không có từ bi, không có từ bi mà dám nhận nợ của thí chủ, như vậy là ăn gian rồi. Đó là điều không hợp lý. Nhập thất tu để sáng đạo thì được, nhưng cũng phải đi giáo hóa, chứ không được đóng cửa suốt đời.

Hồi xưa học luật, Phật dạy thầy Tỳ-kheo không nên đi dèp da vì làm tổn thương lòng từ bi. Nhưng khi thấy Bồ-tát Văn Thù cỡi sư tử, Bồ-tát Phổ Hiền cỡi voi... tôi sinh ra thắc mắc. Tại sao các Ngài không đứng trên cụm mây thôi được rồi. Lại cỡi sư tử cỡi voi, như vậy các Ngài có từ bi không? Sau khi tra cứu hiểu ra rồi tôi mới thấy có lý. Vì đức Phật Thích Ca là vị giáo chủ cõi Ta-bà, mà dân cõi Ta-bà này thì càng cường nan điều nan phục. Muốn điều phục được phải có trí tuệ vượt bực, nên vị Bồ-tát phụ tá thứ nhất cho đức Phật là Văn Thù.

Văn Thù tượng trưng cho Căn bản trí. Ngài ngồi trên lưng sư tử để biểu trưng rằng chỉ có trí tuệ mới hàng phục được ma quân, chỉ có trí tuệ mới giáo hóa được chúng sanh càng cường này. Đó là ý nghĩa hết sức thâm trầm. Song vì chúng sanh cõi này cứng đầu quá, dùng trí tuệ dạy họ, rồi ít bữa cũng trở lại y cũ, thì làm sao đây. Vì vậy phải có đại nguyện đại hạnh, cho nên bên trái của đức Phật vị Bồ-tát phụ tá thứ hai là Phổ Hiền cỡi voi. Vì hạnh lớn mạnh nên tượng trưng cho voi. Voi sáu ngàn nghĩa là đem pháp giáo hoá chúng sanh không biết mệt mỏi. Như vậy các hình tượng ấy mang ý nghĩa đức Phật vào cõi Ta bà giáo hóa phải có đủ trí tuệ vượt bực, hạnh nguyện to lớn mới giáo hoá được. Nếu không sẽ dễ thoái chuyển, dễ chán lảm.

Đức Phật Di Đà thì bên phải có Bồ-tát Quan Thế Âm, bên trái có Bồ-tát Đại Thế Chí. Đức Phật Di Đà ở cõi Cực Lạc là chỗ sạch vui. Muốn sang Ta-bà là chỗ uế trước độ chúng sanh, phải có lòng từ bi tràn trề, nên tượng trưng cho Bồ-tát Quan Thế Âm. Vì chúng sanh khó độ nên chúng ta thấy vẽ tượng đức Phật Di Đà ở trên mây dưới tay xuống, còn chúng sanh đang trôi hụp dưới biển mà không chịu trôi

đầu lên đưa tay cho Phật vớt, cứ hụp lặn ở dưới hoai. Vì vậy muốn không thất tâm phải có đại chí tức là chí cứng rắn vững vàng. Dù cho nó khó, nó mê, nó đắm say ngũ dục cũng ráng chờ vớt nó lên. Nếu không có chí lớn thì chán lảm.

Thí dụ trong hoàn cảnh xã hội của chúng ta, có người khá giả thấy những đứa trẻ bụi đời lang thang ở góc phố này góc chợ kia muốn gom lại nuôi dạy. Từ một người giàu có, bây giờ cất trại về ở với mấy thằng nhỏ khó dạy như vậy thì phải hy sinh sự ổn định của mình, chấp nhận cảnh khổ. Do đó phải có lòng từ bi trước, lòng từ bi thật rộng lớn mới làm được việc đó. Mấy đứa nhỏ đem về dạy có dễ đâu. Nhiều khi nó muốn thoi lại mình nữa. Nó là dân bụi đời, mình thương muốn dạy dỗ nó, nhưng nó lại không biết gì, không mang ơn mà còn cự cãi với mình. Nếu không có ý chí vững bền sắt đá thì không thể nào làm được.

Cũng vậy Phật từ cõi tịnh đến, muốn độ chúng sanh cõi uế này phải có lòng từ bi, phải có ý chí mạnh mẽ mới độ được. Chúng ta muốn dùng tâm từ bi của mình để giáo hóa chúng sanh khó điều phục đó, thì phải có ý chí kiên cường như Bồ-tát Đại Thế Chí mới được.

Tôi nói điều đó có liên hệ với Tăng Ni bây giờ. Liên hệ ra sao? Bởi vì Tăng Ni hiện nay thích học xong, chạy về Thành phố học lên Cao cấp, rồi Đại học. Đại học xong, muốn ra học Đại học đời nữa, rồi bay đi Ấn Độ, Đài Loan học Tiến sĩ. Khi đó ở thôn quê nhiều Phật tử có chùa mà bị hoại vì không thầy, không cô để hướng dẫn dạy dỗ. Minh cứ lo chạy lên, không ai nghĩ đến người ngóng chờ mình, trông đợi mình.

Nên tôi nhắc Tăng Ni phải có tâm biết thương những người chờ đợi mình, trông ngóng mình. Học rồi đem sự hiểu biết chánh pháp đó giáo hóa được năm bảy người, thì phước đức cũng lớn lắm. Do đó quý vị thấy trách nhiệm chúng ta không phải đơn giản. Không phải lo cho mình có địa vị cao, có chức tước lớn là hay. Mà phải làm sao thực tế đời mình đem lợi ích thiết thực cho Phật tử, cho mọi người. Đó mới là giá trị thực đáng quý.

Mong tất cả Tăng Ni ở đây hãy nhớ lấy điều này, mà đem hết tâm nguyện phụng sự chúng sanh để đền ân chư Phật.

]